

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH THÁI NGUYÊN

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 14/2022 /DSST

Ngày: 02/8/2022

V/v "Tranh chấp QSD đất, tài sản
trên đất và Hợp đồng giao khoán"

| | |
|----------------------------------|------------------|
| TỔNG CÔNG TY LÂM NGHIỆP VIỆT NAM | |
| C.V | Số: 14.05 |
| ĐẾN | Ngày: 06.10.2022 |

CHƯA CÓ HIỆU LỰC PHÁP LUẬT

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Hồng Thái
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Tất Dũng
2. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lưu Mạnh Hùng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.
- *Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Bà Ma Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27/7/2022 và ngày 02 / 8/ 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 49/2019/TLST- DS ngày 30 tháng 12 năm 2019. Về việc “ Tranh chấp Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và Hợp đồng giao khoán ” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST- DS ngày 06 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Đặng Văn Nguyễn**, sinh năm 1973;

Dân tộc: Kinh; Văn hóa: 6/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Nơi cư trú: Xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:**

+ Ông Mai Tiến Dũng, sinh năm 1977;

+ Ông Tạ Quang Trang, sinh năm 1983;

(Có mặt tại phiên tòa)

+ Bà Hoàng Thị Thùy Dương, sinh năm 1994; (*Vắng mặt*)

Đều là Luật sư – Công ty Luật TNHH Đức Thành – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Phòng 4518 Tòa C2 VinhomesD' Capitale Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội.

2. Bị đơn: Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần.

Địa chỉ trụ sở: Số 127 Lò Đúc, phường Đồng Mác, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quốc Khánh – Chức vụ Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: + Bà Nguyễn Thị Phong Lan, sinh năm 1978;

+ Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm, sinh năm 1995;

Đều là Cán bộ Tổng Công ty Lâm Nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần.

(Vắng mặt)

+ Ông Phạm Huy Bình, sinh năm 1980;

Chức vụ hiện nay: Giám đốc Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên – Chi nhánh của Tổng Công ty Lâm Nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần.

(Theo Giấy ủy quyền số 31/GUQ- TCT-PC &KSNB ngày 07/01/2020 của Tổng giám đốc Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần.)

(Có mặt tại phiên tòa)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Ngô Thị Mến, sinh năm 1978;(Vợ ông Nguyễn)

Dân tộc: Kinh; Văn hóa: 7/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Nơi cư trú: Xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

4. Người làm chứng:

4.1 Ông Phạm Văn Trình, sinh năm 1971;

Nơi cư trú: Xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt có lý do và đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai và lời khai của của ông Đặng Văn Nguyên và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyên tại phiên tòa trình bày:

Năm 1996 vợ chồng ông Nguyễn, bà Mến vào khu Khe Châm khai hoang trồng chè, mỗ, sắn. Năm 1998 được Lâm trường Đồng Hỷ giao cho 01 sổ bìa xanh gồm 02 lô thuộc lô số 106 với tổng diện tích 14,9 ha; diện tích đất gia đình ông Nguyễn đang canh tác thuộc lô 3 khoảng 5 là 9,8 ha. Trong đó diện tích sử dụng khoảng 07 ha (gồm canh tác và mở đường). Cùng sổ là lô 1B khoảng 6 diện tích 5,1 ha . Trong đó diện tích cải tạo, canh tác và mở đường khoảng 3 ha, tất cả thuộc tiểu khu 413. Tổng diện tích: 36,8 ha.

Năm 2007 vợ chồng ông Nguyễn, bà Mến trồng xong rừng được nhà nước giao sổ bìa xanh. Tại thời điểm đó đất bỏ hoang nhiều, gia đình thiếu đất canh

tác nên vợ chồng ông Nguyễn, bà Mến tự bỏ vốn đầu tư trồng thêm 16 ha. Trong đó mở đường từ chân lô lên, đoạn đường dài khoảng 1,5 km rộng 6 mét.

Năm 2014 vợ chồng ông Nguyễn, bà Mến bỏ vốn trồng keo đến thời kỳ được khai thác thì Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên đưa cho gia đình ông Nguyễn, bà Mến bản hợp đồng bất ký vào không có diện tích, số lô, số khoảnh và số liệu rõ ràng. Năm 2016 toàn bộ diện tích đất rừng ông Nguyễn, bà Mến khai hoang từ năm 2006- 2007, Công ty ép gia đình ông Nguyễn, bà Mến ký bản hợp đồng như năm 2014 mới được khai thác, vận chuyển gỗ để bán.

Kể từ khi được nhận giao đất, giao rừng từ Lâm trường và khai khẩn thêm, tính đến năm 2018 tổng số tiền ông Nguyễn, bà Mến bỏ ra đầu tư, ươm cây, trồng cây khoảng 25.000.000 đồng/1 ha và số tiền mở đường là 350.000.000 đồng trên diện tích khoảng 26 ha.

Nay Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên cho rằng toàn bộ diện tích 26 ha đất rừng trồng từ năm 1996 đến nay nằm trong diện tích đất của Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên đã được UBND tỉnh Thái Nguyên giao quản lý, sử dụng thuộc diện tích đất được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất là không có căn cứ. Công ty Lâm nghiệp chỉ dựa vào các bản hợp đồng để tổng tất cả mọi thông tin mà trước đây Công ty đã lợi dụng sự thiếu hiểu biết để buộc ông Nguyễn, bà Mến ký khống để xác lập quyền quản lý và sử dụng đất, đặt ra mức giao khoán căn cứ vào việc khai thác rừng của gia đình ông Nguyễn, bà Mến là trái pháp luật.

Ngày 23/12/2019 ông Nguyễn đã nộp đơn khởi kiện Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần ra Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên đề nghị Tòa án:

+ Xác nhận 36,16 ha đất rừng được đo ngày 16/10/2018 là của vợ chồng ông Nguyễn, bà Mến . Trên đất vợ chồng ông đã trồng cây và mở đường từ trước đến nay, trong đó có số diện tích gia đình ông khai hoang , mở đường nằm tại thửa 30, tờ bản đồ số 1, bản đồ giải thửa năm 2016 của xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông đồng thời xác định toàn bộ cây rừng trên đất thuộc quyền sử dụng của gia đình ông và gia đình ông có quyền khai thác, sử dụng.

+ Tuyên hủy các bản hợp đồng gia đình ông Nguyễn đã ký với Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên từ năm 2011 là vô hiệu do bị lừa dối.

+ Tuyên hủy những GCNQSD đất của Công ty Lâm nghiệp Việt Nam mà đã được cấp chồng lán lên toàn bộ diện tích 26 ha của gia đình ông Nguyễn, bà Mến.

Ông Nguyễn, bà Mến nhất trí với kết quả đo đạc của Công ty TNHH Hà Nguyễn Châu đo vẽ vị trí đất tranh chấp theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02/12/2020.

*** Đại diện theo ủy quyền của Tổng Công ty Lâm Nghiệp Việt Nam – ông Phạm Huy Bình trình bày:** Tổng Công ty Lâm Nghiệp Việt Nam không đồng ý với những yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn lý do:

- Thứ nhất về nguồn gốc đất: Là đất của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – CTCP- chi nhánh Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên (Sau đây gọi tắt là “Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên”, “Công ty”) quản lý có nguồn gốc được ghi nhận qua các văn bản sau:

- Quyết định số 11TCCQ ngày 12/1/1973 về việc Hợp nhất 2 Lâm trường Phúc Trìu và Trại Cau thành LT Đồng Hỷ

- Quyết định số 634UB.QĐ ngày 8/12/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái v/v thành lập doanh nghiệp Nhà nước lâm trường Đồng Hỷ Tổng diện tích được giao tại huyện Đồng Hỷ là 13.065ha

- Quyết định số 3225/QĐ-UB ngày 14/11/1998 của UBND tỉnh Thái Nguyên v/v chuyển giao lâm trường Đồng Hỷ về Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam Bàn giao nguyên trạng, nguyên canh nguyên cư về TCT Lâm nghiệp Việt Nam; Biên bản bàn giao Lâm trường Đồng Hỷ thuộc sở NN và PTNT Thái Nguyên về Tổng công ty Lâm nghiệp Việt nam.

- Quyết định số 231/QĐ/BNN, TCCB ngày 20/1/1999 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT v/v đổi tên Lâm trường Đồng Hỷ thành Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên.

- Quyết định số 248/QĐ/BNN-TCCB ngày 28/1/2003 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT v/v sáp nhập Công ty vận tải và kinh doanh lâm sản Việt Trì vào Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên và bổ sung ngành nghề kinh doanh cho Công ty Ván Dăm Thái Nguyên

- Quyết định số 141HĐQT/TCLĐ/QĐ ngày 10/6/2004 của Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Lâm nghiệp VN v/v hợp nhất Lâm trường Đồng Hỷ và Lâm trường Phú Bình trực thuộc Công ty Ván Dăm Thái Nguyên .

- Công văn số 34 CTVD/CV ngày 21/1/2005 V/v Tăng cường biện pháp quản lý sử dụng rừng và đất rừng Công văn đã gửi đến sở ban ngành, UBND huyện Đồng Hỷ, Chi cục Kiểm Lâm, Hạt Kiểm lâm Đồng Hỷ, Các xã Khe Mo, Văn Hán, Cây Thị, Tân Lợi, Hợp Tiến với nội dung trước đây Lâm trường Đồng Hỷ giao đất, giao rừng bằng sổ “ Lâm bạ” đến ngày 30/03/2005 không còn giá trị mà chuyển thành hình thức “ Hợp đồng giao khoán.

- Công văn số 1294/UBND-NLN ngày 28/11/2005 V/v phối hợp giải quyết vùng nguyên liệu của nhà máy Ván dăm Thái Nguyên với các ngành, các cấp chính quyền trong tỉnh Thái Nguyên

- Kết luận thanh tra số 1655/STNMT-TTr ngày 17/7/2009 của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên về việc chấp hành luật về đất đai đối với Công ty Ván dăm Thái Nguyên ngày 22/12/1998 .

- Quyết định số 1386/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 24/5/2010 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT v/v chuyển đổi Công ty Ván Dăm Thái Nguyên thuộc Tổng công ty Lâm nghiệp VN thành Công ty TNHH một thành viên.

- Quyết định số 320/QĐ-UBND ngày 15/2/2011 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc cấp GCN cho Công ty TNHH MTV Ván dăm Thái Nguyên, tại xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ Với diện tích được cấp 12.919.983,0 m²;

- Giấy chứng nhận QSD đất của UBND tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 15/2/2011 tại xã Hợp Tiến;

- Quyết định số 259/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 13/2/2012 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT v/v sáp nhập Công ty TNHH một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên vào Công ty mẹ - Tổng công ty Lâm nghiệp VN.

- Quyết định số 121/QĐ/HĐTV-TCLĐ ngày 06/03/2012 của Chủ tịch Hội đồng thành viên TCT lâm nghiệp VN v/v thành lập Chi nhánh Tổng công ty Lâm nghiệp VN - Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên

- Văn bản số 3231/UBND - NC ngày 21/11/2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc sử dụng đất sau khi cổ phần hóa Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên.

- Quyết định số 1136/QĐ/HĐTV-UBND ngày 21/5/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên v/v thu hồi đất do Chi nhánh TCT lâm nghiệp VN

- Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên tự nguyện trả lại, giao đất cho UBND các xã Hợp Tiến, Tân Lợi, Cây Thị, Văn Hán, Khe Mo huyện Đồng hỷ để quản lý theo quy hoạch.

- Quyết định 215 /QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 02 tháng 03 năm 2016 về việc phê duyệt Phương án Cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam.

- Công văn số 643/UBND-TNMT ngày 20/5/2016 của UBND huyện Đồng Hỷ về việc tăng cường công tác phối hợp thực hiện lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất; đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính và cấp GCNQSD đất đối với Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên năm 2016

- Thông báo số 38TB/TCT-VP ngày 09/9/2016 của Tổng Giám đốc TCT Lâm nghiệp VN v/v chuyển đổi sang mô hình Công ty cổ phần, giới thiệu mẫu dấu, các chức danh và chữ ký.

Thứ hai, về hợp đồng giao khoán: Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên có ký hợp đồng giao khoán trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng từ năm 2014-2016 cho ông Đặng Văn Nguyên với tổng diện tích là 13,84 ha đất tại tiểu khu 195, thửa 30, tờ bản đồ số 1 bản đồ giải thửa địa chính xã Hợp Tiến đo năm 2006.

Việc ký hợp đồng giao khoán dựa trên sự tự nguyện của các bên, căn cứ trên đơn yêu cầu đề nghị giao khoán của hộ dân thì Công ty mới thực hiện ký kết hợp đồng giao khoán cho hộ dân.

Đối với diện tích 7,40 ha mà ông Đặng Văn Nguyên đã ký hợp đồng với Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên hiện trạng còn rừng: Hợp đồng số 18 ký ngày 06/6/2016 tại Lô C9, Khoảnh 1, Tiểu khu 195, diện tích 3,70 ha; lô C11, khoảnh 3, Tiểu khu 195, diện tích 2,50 ha; lô A27, khoảnh 5, tiểu khu 195, diện tích 1,20ha.

Yêu cầu chủ hộ thực hiện theo các điều khoản của hợp đồng đã ký. Sau khi thanh lý hợp đồng trả lại đất để Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên tự tổ chức trồng rừng ở chu kỳ tiếp theo. Đối với diện tích 5,75 ha mà ông Đặng Văn Nguyên đã ký hợp đồng với Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên nhưng chủ hộ đã khai thác rừng trái pháp luật, tự ý trồng rừng năm 2021 là Lô A12, Khoảnh 8a, Tiểu khu 195, diện tích: 1,15 ha thuộc hợp đồng số 20 ký ngày 04/02/2014 và Lô C25, Khoảnh 8a, Tiểu khu 195, diện tích: 4,60 ha thuộc hợp đồng số 18 ký ngày 06/6/2016.

Thứ ba, về hiện trạng sử dụng đất:

Căn cứ biên bản làm việc ngày 16/10/2018 giữa Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên, UBND xã Hợp Tiến và Hộ nhận khoán ông Đặng Văn Nguyên, tổng diện tích hộ ông Đặng Văn Nguyên đang canh tác trên đất của Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên quản lý là 36,16 ha, trong đó: Công ty đã giao khoán bằng hợp đồng cho hộ ông Đặng Văn Nguyên **13,84 ha**, hộ ông Đặng Văn Nguyên đang lấn chiếm **22,32 ha**. Đối với diện tích Công ty chưa giao khoán cho hộ ông Đặng Văn Nguyên đang lấn chiếm tự đầu tư, Công ty đã đề nghị ông Đặng Văn Nguyên ký hợp đồng nhận khoán với Công ty trong năm 2018 nhưng hộ ông Đặng Văn Nguyên chống đối không ký. Hộ ông Đặng Văn Nguyên không có căn cứ để công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đang lấn chiếm của Công ty.

Thứ tư, về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn đưa ra yêu cầu khởi kiện là công nhận diện tích 34,91 ha bao gồm 14,90 ha đất được cấp sổ xanh ở lô 3 và lô 1b tiểu khu 413 huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên và 20,1 ha đất tự khai hoang thuộc thửa số 30 tờ bản đồ số 1 huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên và toàn bộ cây trên đất thuộc quyền sử dụng quyền sở hữu của gia đình nguyên đơn. Tuy nhiên, nguyên đơn không xuất trình tài liệu về hiện trạng đo ngày 03/10/2018 để làm căn cứ cho yêu cầu khởi kiện. Nguyên đơn cũng không xuất trình căn cứ cũng như trong tài liệu kèm theo đơn khởi kiện không có bất kỳ văn bản nào ghi nhận quyền sử dụng. Việc ký hợp đồng giao khoán dựa trên sự tự nguyện của các bên và căn cứ trên nhu cầu của hộ dân thì Công ty mới thực hiện ký kết hợp đồng giao khoán. Trong khi đó, Tổng Công ty có toàn quyền sử dụng, chiếm hữu và giao khoán trồng rừng đối với diện tích đất tranh chấp cùng những căn cứ sử dụng hợp pháp như đã nêu trên. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn Nguyên là không có căn cứ. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện theo đơn khởi kiện của ông Đặng Văn Nguyên về việc

công nhận diện tích **34,91 ha** bao gồm **14,90 ha** đất được cấp sổ xanh ở lô 3 và lô 1b tiểu khu 413 huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên và **20,1 ha** đất tự khai hoang thuộc thửa số 30 tờ bản đồ số 1 huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên và toàn bộ cây trên đất đã ký hợp đồng với công ty thuộc quyền sử dụng quyền sở hữu của gia đình nguyên đơn. Toàn bộ diện tích đất tranh chấp mà ông Nguyễn khởi kiện Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam được Công ty TNHH Hà Nguyễn Châu đo đạc xác định là **240.776,4 m²**. Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam nhất trí với kết quả đo đạc.

Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần có thiện chí hai bên thỏa thuận với nhau. Đối với phần diện tích ông Nguyễn đang quản lý, sử dụng và phần đất ông Nguyễn đã nhận giao khoán với Công ty, phía công ty sẽ vẫn cho tiếp tục quản lý, sử dụng và khai thác nhưng ông Nguyễn phải có đơn xin nhận khoán, ký hợp đồng giao khoán, phải nộp sản lượng với công ty theo các mô hình khoán như những hộ khác.

Tổng Công ty lâm nghiệp Việt Nam không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, không yêu cầu phản tố đối với yêu cầu giải quyết các Hợp đồng giao khoán đã ký kết với nguyên đơn.

Nếu sau này phát sinh tranh chấp liên quan đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong Hợp đồng giao khoán thì Tổng Công ty lâm nghiệp Việt Nam sẽ khởi kiện vụ án riêng.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Mai Tiến Dũng, ông Tạ Quang Trang trình bày:

Hồ sơ giao đất rừng của Lâm trường đồng hỷ hiện nay người dân vẫn chưa bị thu hồi. Phía Nguyên đơn đang sử dụng **34,91 ha** bao gồm **14,90 ha** đất được cấp sổ xanh ở lô 3 và lô 1b tiểu khu 413 huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên và **20,1 ha** đất tự khai hoang thuộc thửa số 30 tờ bản đồ số 1 huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên và toàn bộ cây trên đất. Thời gian gần đây công ty mới cắm mốc và yêu cầu ký vào bản hợp đồng khai thác lâm sản.

Hồ sơ giao đất, giao rừng này thực chất là Hợp đồng giao khoán, hiện nay chưa bị thu hồi nên vẫn còn giá trị và ông Nguyễn được quyền sử dụng. Căn cứ Điều 6 Nghị định 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 có quy định giao đất cho hộ gia đình, việc áp dụng Nghị định số 01-CP ngày 04/01/1995 của bị đơn là không đúng vì Nghị định này chỉ áp dụng trong các doanh nghiệp Nhà nước chứ không áp dụng cho các hộ gia đình. Theo Nghị định số 02-CP ngày 15/01/1994, thì các Hợp đồng giao khoán chỉ bị hủy khi có quyết định thu hồi, nếu Hợp đồng giao khoán này chưa có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi thì nó vẫn còn hiệu lực và thời hạn giao đất là 50 năm kể từ ngày nhận, nên Hồ sơ giao khoán này chưa hết thời hạn. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH MTV Ván dăm của

UBND tỉnh Thái Nguyên là không đúng quy định, vì không rà soát trước khi cấp, Hồ sơ giao khoán vẫn đang có hiệu lực pháp luật, người dân vẫn đang sử dụng ổn định nếu muốn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn thì phải thu hồi. Đối với cá nhân, hộ gia đình thì UBND huyện phải tiến hành thu hồi Hồ sơ giao khoán này thì mới đủ căn cứ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn. Yêu cầu hủy các Hợp đồng giao khoán mà Nguyên đơn đã ký với Công ty lâm nghiệp do hợp đồng có dấu hiệu bị ép ký và ký khống, Công ty cho người dân ký trước, sau đó mới điền nội dung. Chữ ký là của người nhận khoán nhưng nội dung không được thỏa thuận, diện tích nhận khoán là ghi sau. Vì vậy đề nghị giám định chữ ký, giám định tuổi mực trong hợp đồng để xem xét lời trình bày của nguyên đơn xác định ký hợp đồng trước sau đó mới điền nội dung làm căn cứ hủy hợp đồng giao nhận khoán và công nhận QSD đất là của ông Đặng Văn Nguyên.

Công ty Lâm nghiệp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thể hiện có sơ đồ thửa đất, không có ranh giới xác định vị trí đất nên người dân đang cho rằng việc cấp giấy chứng nhận sử dụng đất này cấp chồng lấn vào diện tích đất của gia đình ông Nguyên đã sử dụng từ trước.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Ngô Thị Mến (vợ ông Nguyên) nhất trí với ý kiến của ông Nguyên và Người bảo vệ quyền lợi của ông Nguyên.

Ý kiến của người làm chứng: Ông Phạm Văn Trình trình bày: Tôi là Đội trưởng đội sản xuất của Công ty Lâm nghiệp từ năm 2013 đến năm 2021. Liên quan đến việc ký các Hợp đồng giao nhận khoán giữa hộ ông Đặng Văn Nguyên (Ngô Thị Mến) đã nhận khoán trồng rừng trên diện tích đất theo Hợp đồng đã ký là đất của Công ty Lâm nghiệp hiện nay. Việc nhận khoán của các hộ dân là tự nguyện, đến thời kỳ khai thác thì nộp sản theo thỏa thuận ký kết trong hợp đồng, không có việc Công ty ép ký hay ký khống với các hộ dân. Nay các hộ cho rằng Công ty ép các hộ ký khống là không đúng.

Do hai bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên ông Nguyên yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Ngày 02 tháng 12 năm 2020 Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ. Theo kết quả đo vẽ của Công ty TNHH Hà Nguyên Châu đo xác định Tổng diện tích đất tranh chấp xác định là **240.776,4 m²** thuộc thửa 30 tờ bản đồ số 01 xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên (*Có sơ đồ trích đo hiện trạng kèm theo*)

Ngày 19/4/2021 Hội đồng định giá tài sản xác định: * **Về giá trị đất:** Phần đất tranh chấp vị trí đều thuộc thửa 30 tờ bản đồ số 01 xóm Bãi Vàng, xã Hợp

Tiến, huyện Đồng Hỷ có diện tích theo các bản trích đo hiện trạng có từng khu thể hiện diện tích : $240.776,4 \text{ m}^2 \times 9.000/ \text{m}^2 = 2.166.987.600$ đồng.

(Hai tỷ, một trăm sáu mươi sáu triệu, chín trăm tám mươi bảy nghìn, sáu trăm đồng)

* Về giá trị tài sản trên đất: (gồm cây Keo, phấn, chè) 2.093.731.250 đồng . Tổng giá trị đất và tài sản trên đất: 4.260.718.850 đồng;

(Bốn tỷ, hai trăm sáu mươi triệu, bảy trăm mười tám nghìn, không trăm năm mươi sáu đồng)

Quá trình thu thập chứng cứ của Tòa án: Tòa án đã phối hợp với các cơ quan lưu giữ tài liệu chứng cứ cung cấp các tài liệu chứng cứ có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất rừng của 11 hộ dân xã Hợp Tiến huyện Đồng Hỷ đang có tranh chấp với Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam- Công ty cổ phần.

Tại công văn số 1217/UBND-CNN\$XD của UBND tỉnh Thái Nguyên trình bày:

+ Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền Cấp GCNQSD đất: Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 52 Luật đất đai 2003; Điều 11,12,19 Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009;

+ Về Nguồn gốc đất: Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam được tiếp nhận nguyên trạng Lâm trường Đồng Hỷ tại Quyết định 3225/QĐ-UB ngày 14/11/1998 của UBND tỉnh Thái Nguyên. Trước đây Lâm trường Đồng Hỷ được thành lập và giao đất tại Quyết định 634/UB-QĐ ngày 08/12/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái (nay là tỉnh Thái Nguyên), diện tích rừng và đất rừng được giao là 13.065 ha. Sau đó Lâm trường Đồng Hỷ đổi tên thành Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên tại Quyết định 231/QĐ-BNN ngày 20/01/1999 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Ngày 28/01/2003 Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên được đổi tên thành Công ty Ván Dăm Thái Nguyên tại Quyết định số 248/QĐ-BNN-TCCB của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

+ Việc cấp GCNQSD đất : Sau khi nhận được hồ sơ xin cấp GCNQSD đất của Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên, Văn phòng đăng ký QSD đất đã tiến hành kiểm tra hồ sơ và hiện trạng sử dụng đất của Công ty, trích lục bản đồ địa chính các thửa đất đề nghị cấp GCNQSD đất, xác nhận đủ điều kiện vào đơn xin cấp GCNQSD đất trình Sở Tài Nguyên và Môi trường theo quy định.

Ngày 29/01/2011 Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh trình UBND tỉnh cấp GCNQSD đất cho Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên tại tờ trình số 62/TTr-STNMT.

Ngày 15/02/2011 UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định số 320/QĐ-UBND về việc cấp GCNQSD đất cho Công ty TNHH Một thành viên

Ván Dăm Thái Nguyên tại xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ đồng thời ký GCNQSD đất cho Công ty, GCNQSD đất số BA 866776, BA 866531, BA 866527 và BA 866510 ngày 15/02/2011. Thành phần hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện việc cấp GCNQSD đất nêu trên cho Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên là đúng quy định của pháp luật đất đai.(BL326).

Tại Công văn số 55/CV-HKL ngày 18/4/2022 của Hạt Kiểm lâm huyện Đồng Hỷ cung cấp:

Căn cứ sơ đồ trích đo (file số) hiện trạng sử dụng đất của 11 hộ gia đình xã Hợp Tiến đang có tranh chấp với Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam, Hạt kiểm lâm đối chiếu với Bản đồ quy hoạch 3 loại rừng do Hạt kiểm lâm quản lý theo Quyết định 1518/QĐ-UBND ngày 10/7/2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Thái Nguyên năm 2013 đến năm 2020 thì khu vực trên về cơ bản đều thuộc Quy hoạch là rừng sản xuất, hiện trạng là rừng trồng. Còn nội dung xác định chủ quản lý theo vị trí là số thửa đất, số tờ bản đồ, diện tích từng thửa không thuộc đối tượng theo dõi của Hạt kiểm lâm huyện Đồng Hỷ.

Tại Công văn số 554/UBND ngày 04/7/2022 của UBND xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ phúc đáp Công văn số 490/2022 ngày 21/6/2022 Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ cho biết việc các hộ dân có khai hoang đất hay không và có làm thủ tục để cấp GCNQSD đất đối với diện tích khai hoang hay không? như sau: Trước khi cổ phần hóa, chi nhánh Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần - Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên đã trả về địa phương diện tích đất là 817,23 ha(8.172,262 m²) đất trồng rừng sản xuất tại Quyết định 1136/QĐ-UBND ngày 21/5/2015 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc thu hồi đất do chi nhánh Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên tự nguyện trả lại, giao đất cho UBND các xã: Hợp Tiến, Tân Lợi, Cây thị, Văn Hán, Khe Mỏ huyện Đồng Hỷ để quản lý theo quy hoạch. Toàn bộ diện tích đất trả về địa phương có biên bản bàn giao chỉ giới do UBND tỉnh đã thu hồi của Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên để giao cho UBND xã Hợp Tiến , huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên quản lý theo quy hoạch ngày 03/6/2015.

Diện tích đất hiện nay 11 Nguyên đơn đang tranh chấp với Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên không nằm trong diện tích đất trả về địa phương mà hiện nay địa phương đang quản lý.

Toàn bộ diện tích đất trả về địa phương hiện nay UBND xã Hợp Tiến đã xây dựng xong phương án giao đất, cho thuê đất theo quy định.

Đến thời điểm này UBND xã Hợp Tiến không có hồ sơ lưu trữ hay các căn cứ pháp lý về việc công nhận nhân dân tự khai hoang diện tích đất rừng. Đối với toàn bộ diện tích các hộ đang khởi kiện thì các hộ chưa có hồ sơ xin cấp GCNQSD đất lần nào.

Trong quá trình giải quyết vụ án, hai bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án vì vậy Tòa án phải đưa ra xét xử công khai.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, Ông Nguyễn, bà Mến và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyễn đơn giữ nguyên quan điểm như nội dung yêu cầu khởi kiện. Người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn: Không nhất trí với các yêu cầu khởi kiện của Nguyễn đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Đối với thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX: Áp dụng: Khoản 3, khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 227, 271, 273, 278, 280, 482, Điều 483 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 5, 6, 7, 9, 51, 52, 75, 105, 107, 122, 123 Luật đất đai năm 2003;

- Điều 7, 10, 11, 12, 19 Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp GCNQSD đất và Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Điều 102, 135, 203 Luật đất đai năm 2013;

- Điều 105, 106, 107, 116, 117, 119, 289, 483, 484, 485 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Luật Lâm nghiệp năm 2017;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ban hành quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ của các đương sự và chứng cứ được Tòa án thu thập xác định nguồn gốc đất hiện ông Nguyễn, bà Mến đang quản lý, sử dụng có tranh chấp với Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam là đất của Tổng Công ty đã được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp GCNQSD đất từ năm 2011 là đúng quy định của pháp luật, do đó Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn Nguyễn theo nội dung như đơn khởi kiện của ông vì không có căn cứ.

- Về chi phí tố tụng; án phí dân sự sơ thẩm: ông Đặng Văn Nguyễn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị tài sản do yêu cầu khởi kiện không được Tòa án chấp nhận. Tuy nhiên ông Nguyễn có đơn đề nghị miễn án phí, do hoàn cảnh khó khăn, sống ở vùng kinh tế khó khăn, được chính quyền địa phương xác nhận nên miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đặng Văn Nguyễn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

* **Về thủ tục tố tụng:** Căn cứ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn Nguyên xác định đây là tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai; tranh chấp về quyền sở hữu, quyền sử dụng rừng theo quy định của Luật bảo vệ và phát triển rừng và tranh chấp về giao dịch dân sự được quy định tại khoản 3, khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Tại phiên tòa, vắng mặt 2 người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Bà Lan, bà Diễm) vắng mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyên (bà Dương), vắng mặt người làm chứng (Ông Trình) các bên đương sự đề nghị xét xử vắng mặt họ, ông Trình vắng mặt nhưng đã có quan điểm và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; Khoản 1, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người trên.

* **Về Nội dung:**

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn Nguyên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên:

Công nhận 36,16 ha đất rừng là của vợ chồng ông. Nguồn gốc đất ông được giao khoán trồng rừng và khai phá. Trên đất ông đã trồng cây và mở đường từ trước đến nay, trong đó số diện tích đó gia đình ông khai hoang, mở đường, vị trí tại thửa 30, tờ bản đồ số 1, bản đồ giải thửa năm 2016 của xã Hợp Tiến, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông đồng thời xác định toàn bộ cây rừng trên đất thuộc quyền sử dụng của gia đình ông và gia đình ông có quyền khai thác, sử dụng.

Kết quả do Công ty TNHH Hà Nguyên Châu đo hiện trạng đất bằng máy xác định diện tích tranh chấp thực tế là **240.776,4 m²** tương đương **24,07 ha** đất trồng rừng chỉ là một phần diện tích đất được ghi trong GCNQSD đất của Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên đã được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp GCNQSD đất ngày 15/02/2011, số **BA 866776** tại thửa 30 tờ bản đồ số 1 có diện tích **6.481.800 m²** (*Sáu triệu bốn trăm tám mươi một nghìn, tám trăm mét vuông*)

HĐXX xét thấy: Không có tài liệu chứng cứ nào xác định việc ông Nguyên, bà Mến khai hoang, khai phá đất vào thời điểm năm 2006.

Thời điểm năm 2006 nhà nước đang thực hiện quản lý nhà nước về đất đai theo Luật đất đai năm 2003 và Nghị định số 181/2004/NĐ – CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2003. Trước đó Lâm trường Đông Hỷ

được thành lập và giao đất tại Quyết định 634/UB-QĐ ngày 08/12/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái(nay là tỉnh Thái Nguyên) và đang thực hiện Quyết định số 08/QĐ-UB ngày 09/01/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái về việc giao đất, giao rừng cho các thành phần kinh tế để quản lý, sử dụng, diện tích rừng và đất rừng được giao là 13.065 ha, trước thời điểm này đã thiết lập bản đồ quản lý rừng và đất rừng trên cơ sở của Bản đồ 299 theo chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 10 tháng 11 năm 1980 về “Công tác đo đạc, phân hàng và đăng ký ruộng đất trong cả nước” để quản lý chặt chẽ và thống nhất đất đai trong cả nước theo Quyết định 201-CP ngày 01 tháng 07 năm 1980 của Hội đồng Chính phủ, thủ tướng Chính phủ đã yêu cầu các ngành, các cấp tiến hành công tác đo đạc, lập bản đồ phân loại đất, phân hạng đất canh tác và đăng ký, thống kê tình hình sử dụng ruộng đất trong cả nước.

Về mặt thực tế sử dụng đất: Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần được nhà nước giao đất quản lý, sử dụng đất và điều chỉnh việc quản lý, sử dụng đất theo các văn bản pháp luật bởi các Nghị định của Chính phủ, các Quyết định của UBND tỉnh Bắc Thái cho phù hợp với các văn bản pháp luật trong từng giai đoạn khác nhau.

Quá trình giải quyết vụ án Ông Nguyễn, bà Mến không cung cấp được chứng cứ chứng minh những vị trí đất đang có tranh chấp với Tổng Công ty Lâm nghiệp là đất của vợ chồng ông bà thuộc địa phận xã Hợp Tiến, tỉnh Thái Nguyên theo địa giới hành chính, không có văn bản nào của UBND xã Hợp Tiến xác nhận việc ông bà khai phá đất, bản thân ông bà cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc vợ chồng ông bà khai phá đất vào năm 2006, 2007 như những lời ông bà khai trong quá trình giải quyết vụ án. Mặt khác UBND xã Hợp Tiến, xác định diện tích đất 11 hộ đang tranh chấp với Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam không nằm trong diện tích đất mà Công ty Lâm nghiệp trả về cho địa phương theo Quyết định 1136/QĐ-UBND ngày 21/5/2015 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc thu hồi đất; Qua hồ sơ địa chính các thời kỳ của xã Hợp Tiến thì không có hồ sơ lưu trữ hay các căn cứ pháp lý về việc công nhân, nhân dân tự khai hoang diện tích đất rừng tại xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ. Không có việc người dân đến kê khai hoặc xin được khai hoang đất đối với diện tích đất của 11 hộ đang tranh chấp với Công ty Lâm nghiệp. Do vậy HĐXX không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn về việc đề nghị Tòa án Công nhận QSD 36,16 ha đất là đất của vợ chồng ông Nguyễn.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án Tuyên hủy tất cả các hợp đồng giao khoán do bị ép ký khống.

Về hồ sơ giao đất giao rừng mang tên Đặng Văn Nguyễn do Lâm trường Đồng Hỷ, Thái Nguyên cấp ngày 20/7/1998 có đơn xin nhận đất, nhận rừng ;

Biên bản giao rừng và đất rừng với diện tích 14,90 ha; Sau đó Ông Đặng Văn Nguyên tiếp tục ký các Hợp đồng giao nhận khoán cụ thể là:

+ Hợp đồng số 20/2014-HĐ ký ngày 04/02/2014 tại lô A12, khoảnh 8A, tiểu khu 195, diện tích 1,15 ha (11.500 m²).

+ Hợp đồng số 18/2016-HĐ ký ngày 06/6/2016 tại lô C25, khoảnh 8A, tiểu khu 195, diện tích 4,60 ha (46.000 m²).

+ Hợp đồng số 143/CT-LN-HĐTR ký ngày 06/10/2021 tại lô A27, khoảnh 5, tiểu khu 195, diện tích 1,20 ha (12.000 m²).

+ Hợp đồng số 18/2016-HĐ ký ngày 06/6/2016 gồm 02 lô: Lô C9 và lô C11, khoảnh 1 và khoảnh 3, tiểu khu 195, diện tích 6,20 ha (62.000m²).

Tổng diện tích ông Nguyên ký Hợp đồng với Công ty Lâm nghiệp là 13,15 ha còn lại là lần chiếm đất của Tổng công ty Lâm nghiệp;

HĐXX thấy: Việc giao đất của Lâm trường Đồng Hỷ trên cơ sở diện tích đất mà Lâm trường Đồng Hỷ được UBND tỉnh Bắc Thái giao đất giao rừng tại Quyết định số 634/UB-QĐ ngày 08/12/1992, diện tích đất này thuộc quỹ đất của Lâm trường Đồng Hỷ là Doanh nghiệp Nhà nước. Còn việc giao đất cho các hộ dân theo Nghị định số 02-CP ngày 04/01/1994 trên cơ sở quỹ đất lâm nghiệp của từng địa phương và thẩm quyền quyết định xác lập các khu rừng và giao đất lâm nghiệp để sử dụng ổn định lâu dài trong trường hợp này là Chủ tịch UBND cấp huyện theo Điều 8 của Nghị định số 17/HĐBT ngày 17/01/1992 về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng và thời hạn giao đất cho hộ gia đình cá nhân là 50 năm, thẩm quyền giao đất để sử dụng vào mục đích lâm nghiệp là Ủy ban nhân dân huyện giao đất cho các hộ gia đình và cá nhân theo quy định tại Điều 24 Luật đất đai năm 1993.

Xét về cơ chế giao khoán trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng:

Trước năm 1999, Lâm trường Đồng Hỷ thuộc Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam đã thực hiện giao khoán cho các hộ nhận khoán là thực hiện theo Quyết định số 08/QĐ-UB ngày 09/01/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái về việc giao đất, giao rừng cho các thành phần kinh tế để quản lý, sử dụng; Các Hợp đồng giao khoán trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng được thực hiện từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn PAM và nguồn vốn dự án 327.

Thực hiện Nghị định số 01/1995/NĐ-CP ngày 04/01/1995 của Chính phủ quy định về việc giao khoán sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp nhà nước.

Ngày 21/01/2005 Công ty Ván Dăm Thái Nguyên đã có công văn số 34/CTVDTN về việc tăng cường biện pháp quản lý, sử dụng rừng và đất rừng. Trong đó Công ty yêu cầu các hộ nhận khoán trước đây được Lâm trường Đồng Hỷ giao khoán bằng hồ sơ giao đất, giao rừng(sổ xanh) phải chuyển sang Hợp đồng giao khoán trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng theo Nghị định số 01/CP.

Thực hiện Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ quy định về giao khoán đất nông nghiệp, đất rừng sản xuất và đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản trong các nông, lâm trường quốc doanh.

Từ năm 2006 đến năm 2016 Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên đã thực hiện giao khoán trồng, chăm sóc bảo vệ rừng trên đất của Công ty được giao quản lý bằng các Hợp đồng giao khoán với các hộ dân.

Từ ngày 15/02/2017 Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên thực hiện giao khoán trồng, chăm sóc bảo vệ rừng theo Nghị định 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và Công ty TNHH Một thành viên Nông, Lâm nghiệp nhà nước.

Về mô hình giao khoán, cơ chế giao khoán, cơ chế hưởng lợi được thực hiện theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về việc sắp xếp đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty Nông, Lâm nghiệp.

Hồ sơ giao đất, giao rừng số 106 ngày 20/7/1998 của Lâm trường Đồng Hỷ cấp cho ông Đặng Văn Nguyên diện tích 14,90 ha. Điều 2 của Quyết định giao đất, giao rừng quy định: “ *Chủ rừng được chủ động sản xuất, kinh doanh có hiệu quả phần đất được giao, hưởng mọi quyền lợi và chịu trách nhiệm trước pháp luật theo các quy định và chính sách của nhà nước*”

Ông Phạm Văn Trinh - Nguyên đội trưởng đội sản xuất của Công ty xác định trong thời gian làm đội trưởng ông không thu khoản tiền nào của người nhận khoán mà việc thu là do kế toán công ty thu có hóa đơn thu chi giao cho các hộ nhận khoán. Khi ký các hợp đồng giao khoán thì người nhận khoán đã biết và được thỏa thuận nội dung hợp đồng, có đơn xin nhận khoán, hợp đồng đã có nội dung được đánh máy đầy đủ các điều khoản và người nhận được đọc, thông qua nội dung trong hợp đồng nhất trí mới ký hợp đồng. Việc ký hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc, không có ký khống, vì đất này thuộc quyền quản lý của công ty nên nếu hộ dân nào không ký thì sẽ có hộ dân khác ký Hợp đồng giao khoán với công ty. Ông Nguyên không cung cấp được chứng cứ về việc bị ép ký khống các hợp đồng giao nhận khoán. Đến tháng 12 năm 2019 ông Nguyên mới khởi kiện ra Tòa án, do đó việc ông Nguyên cho rằng Công ty ép và cho ký khống các hợp đồng và Yêu cầu hủy các hợp đồng giao nhận khoán với Công ty Lâm nghiệp là không có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa ông Nguyên thừa nhận những chữ ký trong các hợp đồng giao khoán là chữ ký của ông, nhưng ông chỉ ký chứ không có nội dung, ông bị ký khống và trong hợp đồng ông Nguyên đã ký không có số lô, số thửa. sau đó về Công ty tự ghi thêm nội dung giao khoán. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp

pháp của nguyên đơn cũng thừa nhận chữ ký là của người nhận khoán nhưng nội dung không được thỏa thuận, diện tích nhận khoán là ghi sau khi ký. Vợ chồng ông Nguyễn và Luật sư bảo vệ quyền lợi của ông Nguyễn đề nghị Tòa án trung cầu giám định chữ ký, giám định tuổi mực trong hợp đồng để xem xét lời trình bày của nguyên đơn xác định hợp đồng ký trước sau đó mới điền nội dung. Hồ sơ giao đất giao rừng (Lâm trường Đồng Hỷ giao) chỉ bị hủy khi có quyết định thu hồi của cơ quan có thẩm quyền, nếu Hồ sơ giao đất giao rừng này chưa có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi thì nó vẫn còn hiệu lực và thời hạn giao đất là 50 năm kể từ ngày nhận, nên Hồ sơ giao đất giao rừng này chưa hết thời hạn.

Hội đồng xét thấy: Những Hợp đồng giao nhận khoán của ông Đặng Văn Nguyễn ký với Công ty đều dựa trên cơ sở của Đơn xin nhận khoán; các Hợp đồng giao nhận khoán trồng rừng; Phiếu nghiệm thu sản phẩm đều có xác nhận của UBND xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Như vậy việc ký Hợp đồng giao nhận khoán trồng rừng nêu trên giữa ông Đặng Văn Nguyễn với Công ty Lâm nghiệp là hoàn toàn tự nguyện giữa bên có đất để giao khoán và bên nhận khoán trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng, không vi phạm các điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên các Hợp đồng đã ký là hợp pháp. Từ khi ông Nguyễn ký Hợp đồng nhận khoán (năm 2014) và các năm tiếp theo với Công ty ông không có ý kiến thắc mắc gì. Khi khởi kiện ra Tòa ông không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông bị ép ký, bị ký khống vào các hợp đồng giao nhận khoán với Công ty, lời trình bày của ông không có căn cứ.

Theo Nghị định số 01/1995/NĐ-CP ngày 04/01/1995 của Chính phủ quy định về việc giao khoán sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp nhà nước quy định tại:

“ Điều 11 Giao khoán đất lâm nghiệp:

1. Bên giao khoán xác định diện tích, hiện trạng, vị trí, ranh giới từng lô, khoảnh rừng trên thực địa và bản đồ để giao cho bên nhận khoán bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng theo hợp đồng;

2. Thời hạn giao khoán đối với rừng phòng hộ, rừng đặc dụng là 50 năm; **đối với rừng sản xuất thì theo chu kỳ kinh doanh. ”**

Ông Đặng Văn Nguyễn ký hợp đồng giao khoán trồng rừng với Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên là rừng sản xuất thì thời hạn tính theo chu kỳ kinh doanh chứ không phải thời hạn là 50 năm như ông Nguyễn và người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho ông Nguyễn trình bày. Ông Nguyễn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn cho rằng Công ty ép ký và cho ký khống các hợp đồng, hợp đồng ký không ghi số lô số thửa, số khoảnh nhưng khi xảy ra tranh chấp chính ông là người dẫn đặc để xác định vị trí tranh chấp đó. Ông Nguyễn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn đề

ngợi giám định tuổi mục trong hợp đồng giao nhận khoán với Công ty Lâm nghiệp là không có căn cứ chấp nhận vì khi ký Hợp đồng bản thân ông Nguyễn là người có năng lực hành vi dân sự, có đơn xin nhận khoán, từ khi ông ký Hợp đồng nhận khoán năm 2014 và năm 2016 đến nay ông đã và đang thực hiện hợp đồng và các Hợp đồng của ông ký đều có vị trí trọn vẹn trong thửa 30 tờ bản đồ số 1 được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất cho Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên ngày 15/02/2011.

Trên phần đất lấn chiếm, ông Nguyễn đã trồng một số cây trên đất, gây thiệt hại đến tài sản của Công ty và tạo dư luận xấu trong nhân dân, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Nếu ông Nguyễn không thỏa thuận được với Công ty Lâm nghiệp để được trồng rừng thì ông phải khai thác cây trồng trái phép trên đất của Công ty và trả lại đất cho Công ty.

Đối với một số cây trồng trên diện tích do ông Nguyễn đã ký Hợp đồng giao khoán trồng rừng với Công ty chưa đến thời kỳ khai thác theo thời hạn ghi trong hợp đồng thì ông vẫn phải thực hiện quyền và nghĩa vụ với Công ty theo hợp đồng đã ký kết. Đối với cây trồng trên diện tích của Công ty mà ông đã ký Hợp đồng giao khoán trồng rừng với Công ty và đã khai thác xong nhưng không thực hiện nghĩa vụ với Công ty theo các điều khoản của hợp đồng đã ký kết mà vẫn tiếp tục trồng mới thì phải khai thác, thu hoạch cây cối trên đất trả lại đất cho Tổng Công ty. Tổng Công ty Lâm nghiệp có quyền khởi kiện, quyền yêu cầu đối với ông Đặng Văn Nguyễn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu của ông Nguyễn và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn đề nghị Tòa án Tuyên hủy GCNQSD đất của Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên – chi nhánh của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam- Công ty cổ phần.

Căn cứ Nguồn gốc đất: Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam được tiếp nhận nguyên trạng Lâm trường Đồng Hỷ tại Quyết định 3225/QĐ-UB ngày 14/11/1998 của UBND tỉnh Thái Nguyên. Trước đây Lâm trường Đồng Hỷ được thành lập và giao đất tại Quyết định 634/UB-QĐ ngày 08/12/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái (nay là tỉnh Thái Nguyên), diện tích rừng và đất rừng được giao là 13.065 ha. Năm 1998 khi chuyển giao Lâm trường Đồng Hỷ về Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam đã có Biên bản kiểm kê rừng và đất lâm nghiệp do Lâm trường Đồng Hỷ quản lý, thì diện tích đất của Lâm trường Đồng Hỷ có vị trí tứ cận: Phía Bắc giáp tuyến đường Linh Sơn đi La Hiên và Võ Nai, Đông giáp huyện Võ Nai, Tây giáp các xã Linh Sơn, Nam Hòa, Hợp Tiến, Tân Lợi, Nam giáp tỉnh Hà Bắc, Lâm trường nằm trên đất của các xã Khe Mo, Văn Hán, Cây Thị, Hợp Tiến và Tân Lợi bao gồm 04 phân trường I, II, III, IV có 15 tiểu khu 402A, 402B, 403, 404, 401, 407, 408A, 408B, 409, 410, 411B, 412, 413, 414, 416. Sau đó Lâm trường Đồng Hỷ đổi tên thành

Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên tại Quyết định 231/QĐ-BNN ngày 20/01/1999 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Ngày 28/01/2003 Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên được đổi tên thành Công ty Ván Dăm Thái Nguyên tại Quyết định số 248/QĐ-BNN-TCCB của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn. Tại Quyết định số 1386/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 24/5/2010 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT v/v chuyển đổi Công ty Ván Dăm Thái Nguyên thuộc Tổng công ty Lâm nghiệp VN thành Công ty TNHH một thành viên. Quyết định số 259/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 13/2/2012 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT v/v sáp nhập Công ty TNHH một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên vào Công ty mẹ - Tổng công ty Lâm nghiệp.

Quyết định số 121/QĐ/HĐTV-TCLĐ ngày 06/03/2012 của Chủ tịch Hội đồng thành viên TCT lâm nghiệp VN v/v thành lập Chi nhánh Tổng công ty Lâm nghiệp VN - Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên.

Việc cấp GCNQSD đất đã được Văn phòng đăng ký QSD đất tiến hành kiểm tra hồ sơ và hiện trạng sử dụng đất của Công ty, trích lục bản đồ địa chính các thửa đất đề nghị cấp GCNQSD đất, xác nhận đủ điều kiện vào đơn xin cấp GCNQSD đất trình lên Sở Tài Nguyên và Môi trường theo quy định.

Ngày 29/01/2011 Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh trình UBND tỉnh cấp GCNQSD đất cho Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên tại tờ trình số 62/TTr-STNMT.

Ngày 15/02/2011 UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định số 320/QĐ-UBND về việc cấp GCNQSD đất cho Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên tại xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ đồng thời ký GCNQSD đất cho Công ty, GCNQSD đất số BA 866776, BA 866531, BA 866527 và BA 866510 ngày 15/02/2011.

Như vậy có đủ căn cứ xác định đất ông Đặng Văn Nguyên đang quản lý tranh chấp với Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam có Nguồn gốc của Lâm trường Đồng Hỷ được Nhà Nước giao quản lý để thực hiện việc sản xuất, kinh doanh nghề rừng, có Quyết định giao đất với tổng diện tích đất được giao là 13.065ha từ năm 1992. Trải qua các thời kỳ chuyển giao từ Lâm trường Đồng Hỷ đến nay là Chi nhánh Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần – Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên thì diện tích đất được bàn giao nguyên trạng, tuy nhiên trong phạm vi ranh giới Lâm trường Đồng Hỷ có nhiều dân cư sinh sống, số dân cư này đã chiếm giữ một phần đất của lâm trường.

Căn cứ khoản 1 Điều 52 Luật đất đai 2003; Điều 11,12,19 Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009; Xét thấy việc cấp GCNQSD đất nêu trên cho Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền nên không cần thiết phải đưa UBND tỉnh Thái Nguyên

tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khi giải quyết vụ án. Xét yêu cầu của ông Nguyễn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn đề nghị Tòa án hủy GCNQSD của Tổng Công ty lâm nghiệp Việt Nam- Công ty cổ phần- Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên là không có căn cứ nên không được Tòa án chấp nhận.

[4] Trong đơn khởi kiện ông Nguyễn trình bày việc mở và tu sửa con đường trong diện tích đất tranh chấp trị giá 460.000.000đ(*Bốn trăm sáu mươi triệu đồng*).

Theo bản trích đo hiện trạng xác định diện tích con đường là **8.532,5 m²** nằm trong diện tích **240.776,4m²**.

Đại diện theo ủy quyền của Bị đơn(ông Bình) trình bày: Con đường đi vào thửa đất có từ trước, đã qua nhiều lần khai thác rừng, xe chở gỗ vẫn đi trên con đường đó nên Tổng công ty Lâm nghiệp không đồng ý với ý kiến của Nguyễn đơn về việc đầu tư mở đường.

Ông Nguyễn, bà Mến trình bày: Toàn bộ diện tích diện tích **240.776,4m²** có tranh chấp với Tổng Công ty Lâm nghiệp là đất của vợ chồng ông bà được giao đất giao rừng và khai phá. Con đường nằm trong phần diện tích đất mà vợ chồng ông bà tự mở để phục vụ cho việc vận chuyển gỗ, việc làm đường chỉ thuê máy xúc múc, gạt đất chứ không có giấy tờ về việc mua nguyên vật liệu nên không yêu cầu HĐXX xem xét giải quyết. Do ông Nguyễn và bà Mến không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về chi phí tố tụng: ông Đặng Văn Nguyễn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ(đo đất bằng máy và định giá tài sản 32.200.000 đồng. Ông Nguyễn đã nộp và chi phí xong.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ cứ điểm e mục 1.3 án phí dân sự sơ thẩm trong danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Ông Đặng Văn Nguyễn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị tài sản do yêu cầu khởi kiện không được Tòa án chấp nhận. Giá trị đất tranh chấp là **2.166.987.600 đồng**. Tổng tiền án phí là 75.339.752 đồng. Ông Nguyễn có đơn đề nghị miễn án phí, do hoàn cảnh khó khăn, sống ở vùng kinh tế khó khăn, được chính quyền địa phương xác nhận tuy nhiên không thuộc đối tượng được miễn, giảm án phí theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ban hành quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí nên ông Nguyễn, bà Mến phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch vào Ngân sách nhà nước.

[7] Về quyền kháng cáo các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hỷ tại phiên tòa đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn đơn là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3, 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280, 482, Điều 483 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Quyết định số 08/QĐ-UB ngày 09/01/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái về việc giao đất, giao rừng cho các thành phần kinh tế để quản lý, sử dụng;

- Nghị định 02/CP ngày 15/01/1994 của Chính phủ về giao đất Lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp.

- Thông tư 06/LN KL ngày 18/6/1994 của Bộ Lâm nghiệp hướng dẫn thi hành Nghị định 02/CP ngày 15/01/1994 của Chính phủ về giao đất Lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp.

- Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ quy định về giao khoán đất nông nghiệp, đất rừng sản xuất và đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản trong các nông, lâm trường quốc doanh.

- Điều 5, 6, 7, 9, 51, 52, 75, 103, 104, 105, 107, 122, 123 Luật đất đai năm 2003;

- Điều 17, 10, 11, 12, 19 Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp GCNQSD đất và Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Nghị định 17/1992/HĐBT ngày 17/01/1992 của Hội đồng Bộ trưởng về thi hành Luật bảo vệ và phát triển rừng;

- Điều 7, 8, 24, 28 Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 2004;

- Điều 99, 102, 135, 203 Luật đất đai năm 2013;

- Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

- Điều 400, 401, 483, 484, 485, 486, 487, 488, 489, 490, 500, 501, 502 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Luật Lâm nghiệp năm 2017;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ban hành quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn Nguyên đề nghị Công nhận 36,16 ha đất rừng và toàn bộ cây rừng trên đất là của ông, vì vị trí đất được Công ty TNHH Hà Nguyên Châu đo xác định diện tích đất tranh chấp là 240.776,4 m² tương đương 24,07 ha đất trồng rừng thuộc thửa số 30 tờ bản đồ số 1, xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên là đất của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam.

*** Phần diện tích tại vị trí thứ nhất thuộc (khoảnh K8a, tiểu khu 413) thửa 30 tờ bản đồ số 1 xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, diện tích 86.841,7 m² (BL 146).**

+ Phía Bắc: 1 phần giáp với đất ông Nguyễn Đức Tính, 1 phần giáp đất bà Nông Thị Hoa đang sử dụng;

+ Phía Nam: 1 phần giáp với đất ông Nguyễn Đức Tính, 1 phần giáp đất ông Nguyễn Chí Cường đang sử dụng ;

+ Phía Đông giáp khe suối.

+ Phía Tây giáp với thác. Trên đất trồng chè, trồng keo, trồng phần Ranh giới đất tiếp giáp các hộ lân cận đều có đường biên.

*** Phần diện tích tại vị trí thứ hai thuộc (khoảnh K1, K3, tiểu khu 415) thửa 30 tờ bản đồ số 1 xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, diện tích 114.997,9 m² (BL 147).**

+ Phía Bắc: 1 phần giáp với đất ông Phan Đức Hiện, 1 phần giáp đất ông Trần Văn Trung đang sử dụng;

+ Phía Đông 1 phần giáp với đất ông Lý Văn Lợi, 1 phần giáp đất ông Dương Tuấn Hùng đang sử dụng;

+ Phía Nam và 1 phần phía Tây giáp với đất ông Dương Tuấn Hùng đang sử dụng;

+ Phía Tây 1 phần giáp với đất ông Hoàng Văn Hải

Trên đất chỉ trồng keo, đường kính trung bình 50-55 cm(5 năm tuổi). Trung bình 1.600 cây/ha. Mật độ Trung bình 1.600 cây/ha

Ranh giới đất tiếp giáp các hộ lân cận đều có đường biên.

*** Phần diện tích tại vị trí thứ ba thuộc (khoảnh K5 tiểu khu 413) thửa 30 tờ bản đồ số 1 xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, diện tích 35.936,8 m² (BL 145)**

+ Phía Bắc: Giáp đường đi của Công ty của Công ty Lâm nghiệp;

+ Phía Nam: Giáp đường đi

+ Phía Đông 1 phần giáp với đất ông Lý Văn Lợi, 1 phần giáp đất ông Dương Tuấn Hùng đang sử dụng;

+ Phía Tây giáp với đất ông Tô Minh Trường đang sử dụng;

Trên đất chỉ trồng keo đường kính trung bình 60 cm(7 năm tuổi). Trung bình 1.600 cây/ha. Ranh giới đất tiếp giáp các hộ lân cận đều có đường biên.

(Có bản trích đo hiện trạng thửa đất kèm theo)

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn Nguyên đề nghị Hủy tất cả các hợp đồng giao khoán mà ông cho rằng bị ép ký không từ năm 2011.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn Nguyên đề nghị Hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BA 866776 của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 15/2/2011.

4. Về chi phí tố tụng: ông Nguyên, bà Mến phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 32.200.000 đồng (đã chi phí xong).

5. Về án phí: Ông Đặng Văn Nguyên bà Ngô Thị Mến liên đới chịu 75.339.752 đồng (*Bảy mươi lăm triệu, ba trăm ba mươi chín nghìn, bảy trăm năm mươi hai đồng*) án phí dân sự sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- UBND xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, bộ phận Dân sự .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ



Mai Thị Hồng Thái

Mẫu số 53-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH THÁI NGUYÊN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2022/QĐ-SCBSBA

Đồng Hỷ, ngày 15 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ TỈNH THÁI NGUYÊN

- Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 49/2019/TLST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2019 Về việc “ Tranh chấp Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và Hợp đồng giao khoán ”.

Xét thấy cần sửa chữa, bổ sung bản án do lỗi máy vi tính khi in phát hành đã in thiếu văn bản áp dụng pháp luật trong bản án dân sự sơ thẩm số 14/2022 ngày 02 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Đặng Văn Nguyên**, sinh năm 1973;

Dân tộc: Kinh; Văn hóa: 6/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Nơi cư trú: Xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

* **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:**

Ông Mai Tiến Dũng, sinh năm 1977; Ông Tạ Quang Trang, sinh năm 1983;

Bà Hoàng Thị Thùy Dương, sinh năm 1994; Đều là Luật sư – Công ty Luật TNHH Đức Thành – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Phòng 4518 Tòa C2 VinhomesD' Capitale Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội.

2. Bị đơn: **Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần.**

Địa chỉ trụ sở: Số 127 Lò Đúc, phường Đồng Mác, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quốc Khánh – Chức vụ Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: + Bà Nguyễn Thị Phong Lan, sinh năm 1978;

+ Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm, sinh năm 1995;

Đều là Cán bộ Tổng Công ty Lâm Nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần.

+ Ông Phạm Huy Bình, sinh năm 1980;

Chức vụ hiện nay: Giám đốc Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên – Chi nhánh của Tổng Công ty Lâm Nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần.

(Theo Giấy ủy quyền số 31/GUQ- TCT-PC &KSNB ngày 07/01/2020 của Tổng giám đốc Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần.)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Ngô Thị Mến, sinh năm 1978; (Vợ ông Nguyễn)

Dân tộc: Kinh; Văn hóa: 7/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Nơi cư trú: Xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

4. Người làm chứng:

4.1 Ông Phạm Văn Trình, sinh năm 1971;

Nơi cư trú: Xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung bản án số 14/2022 ngày 02 tháng 8 năm 2022 do phần Quyết định của bản án đánh máy bị in thiếu dưới dòng - Quyết định số 08/QĐ-UB ngày 09/01/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái về việc giao đất, giao rừng cho các thành phần kinh tế để quản lý, sử dụng;

Nay sửa chữa, bổ sung vào phần **Quyết định** như sau:

“ Áp dụng:

- Quyết định số 08/QĐ-UB ngày 09/01/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái về việc giao đất, giao rừng cho các thành phần kinh tế để quản lý, sử dụng;

- Nghị định số 01/1995/NĐ-CP ngày 04/01/1995 của Chính phủ quy định về việc giao khoán sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp nhà nước. ”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- THADS TPTN;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.
- Lưu: VT, BP./.

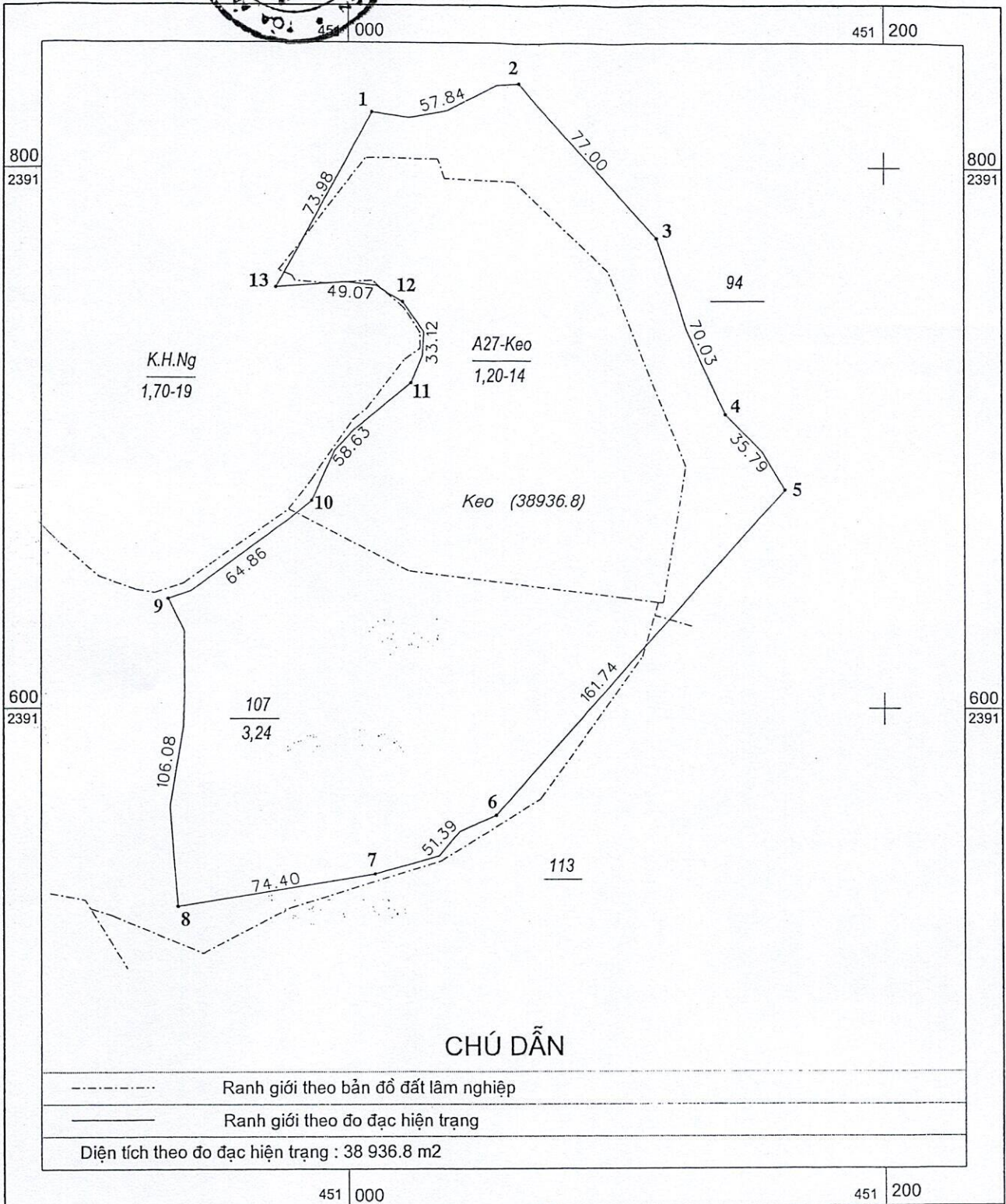
T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA



Mai Thị Hồng Thái

TRÍCH ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT

ĐẤT ĐẶNG VẠN NGUYỄN XÓM BÃI VÀNG XÃ HỢP TIẾN HUYỆN ĐỒNG HỖ



CHÚ DẪN

----- Ranh giới theo bản đồ đất lâm nghiệp

————— Ranh giới theo đo đạc hiện trạng

Diện tích theo đo đạc hiện trạng : 38 936.8 m²

Đo vẽ tháng 6 năm 2020

Người đo vẽ:

Nguyễn Văn Huấn

TỈ LỆ 1:2000

1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

Tháng 6 năm 2020

Cơ quan đo vẽ: Công ty TNHH

Hà Nguyễn Châu



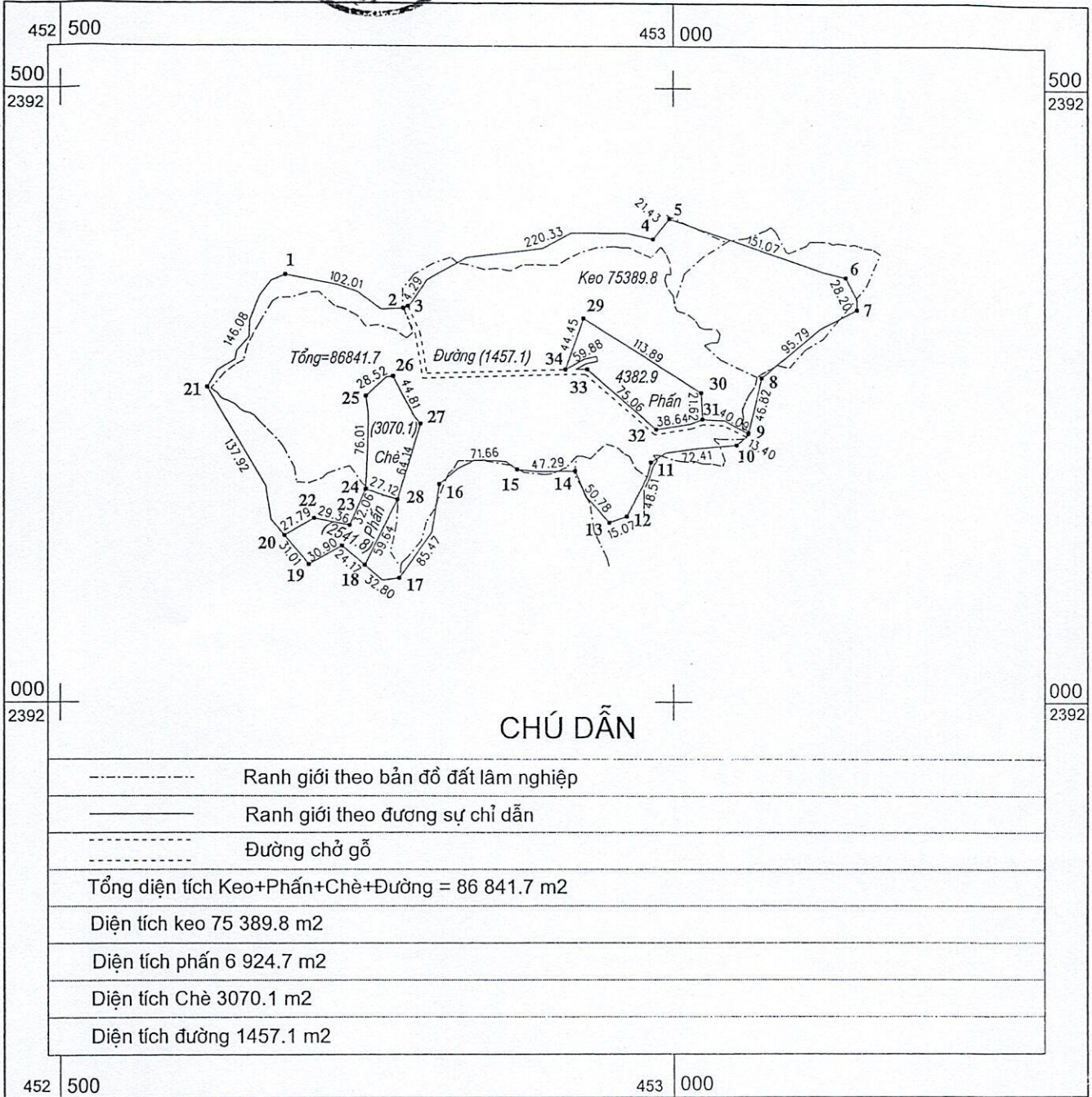
GIÁM ĐỐC

198

TRÍCH ĐỒ HIỆN TRẠNG THỬA ĐẤT



ĐANG VĂN NGUYỄN
XÓM BÀI VANG XÃ HỢP TIẾN HUYỆN ĐỒNG HỖ



CHÚ DẪN

Đo vẽ tháng 11 năm 2020

Người đo vẽ:

[Signature]

Nguyễn Văn Huấn

TỈ LỆ 1:5000

1 cm trên bản đồ bằng 50 m trên thực địa

Tháng 11 năm 2020

Cơ quan đo vẽ: Công ty TNHH



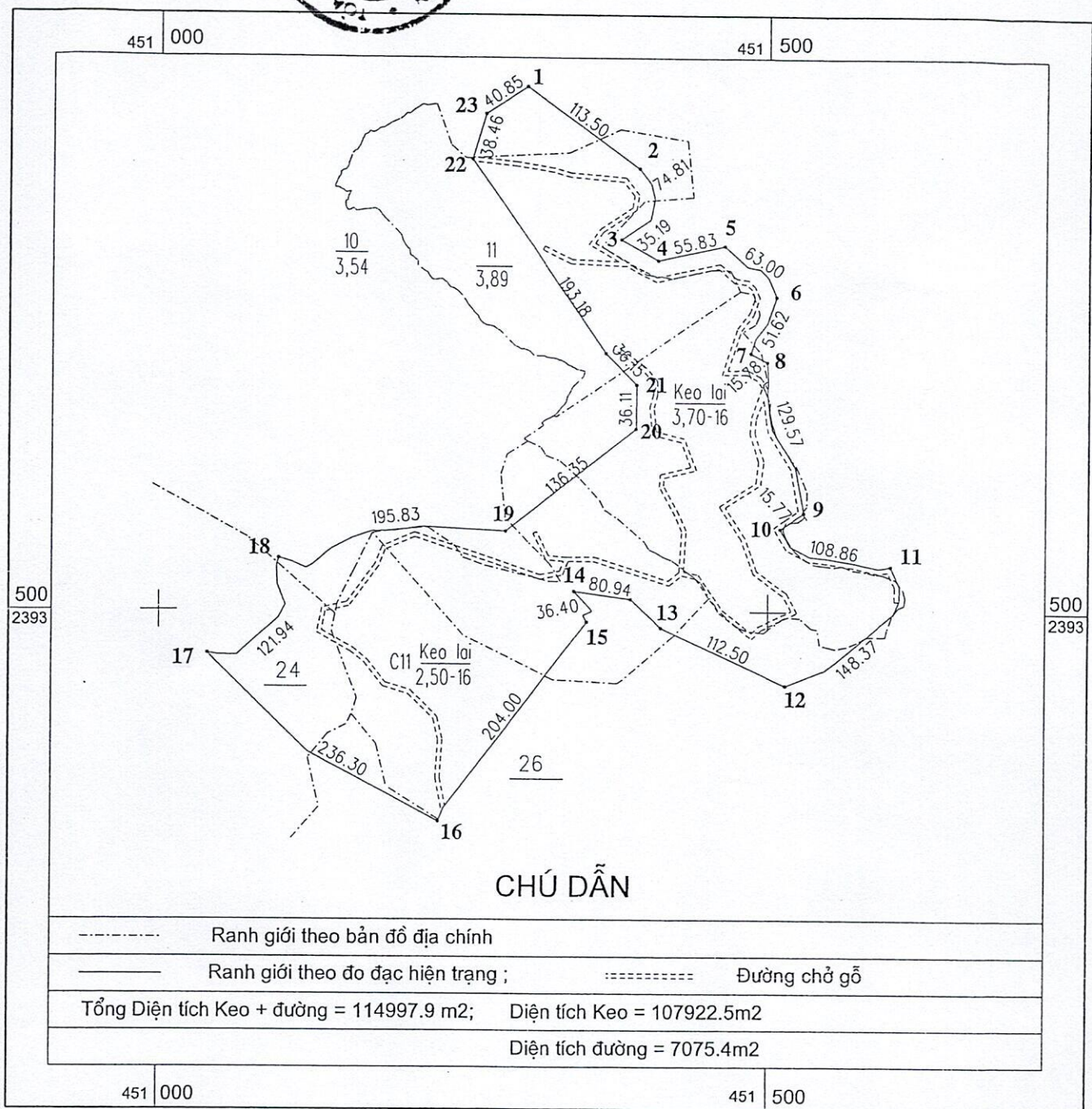
GIÁM ĐỐC
Trần Văn Điền *67*

TÒA ÁN NHÂN DÂN B. ĐỒNG HỖ
 BƯT LỤC SỐ: 1467



TRÍCH ĐỒ HIỆN TRẠNG THỬA ĐẤT

ĐẤT ÔNG ĐẶNG VĂN NGUYỄN TẠI XÓM BÃI VÀNG XÃ HỢP TIẾN HUYỆN ĐỒNG HỖ



CHÚ DẪN

Đo vẽ tháng 11 năm 2020
 Người đo vẽ:

(Handwritten signature)

Nguyễn Văn Huấn

TỈ LỆ 1:5000

1 cm trên bản đồ bằng 50 m trên thực địa

Tháng 11 năm 2020

Cơ quan đo vẽ: Công ty TNHH Hà Nguyễn Châu



GIÁM ĐỐC
 196 Trần Văn Diên